

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 39

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Kể từ ngày 01/6/2011, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2011.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/6/2011 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là 550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Gia Du	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch
	Ông Hoàng Chí Cường	Thành viên
	Bà Trần Thị Minh	Thành viên
	Ông Trần Đức Y	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Chí Cường	Tổng Giám đốc
	Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ 01/8/2018)
	Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Chí Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 08/3/2018)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc ngày 31/12/2018 được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp .

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Hoàng Chí Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

TH
SỐ
T
KIẾ
Ả
57

Số: 395/2019/BCKT-BCTCTH/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2018

của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2999-2019-137-1

27
Y
+
A
W
5

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Mẫu B 01 - DN/TH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		571.573.549.722	605.348.947.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.829.670.518	18.762.460.917
1. Tiền	111		22.829.670.518	18.762.460.917
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	113.798.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	113.798.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		476.932.986.790	425.354.990.939
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	149.025.098.602	217.377.923.575
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	45.040.828.737	42.031.868.978
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	328.644.146.687	212.326.218.798
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(45.777.087.236)	(46.381.020.412)
IV. Hàng tồn kho	140		68.249.116.032	44.829.928.131
1. Hàng tồn kho	141	5.7	68.325.676.032	44.829.928.131
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(76.560.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.561.776.382	2.603.567.937
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	21.236.995	40.622.235
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.113.566.936	6.101.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	2.426.972.451	2.556.843.730
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		360.927.372.702	416.828.476.068
II. Tài sản cố định	220		9.893.881.540	12.610.751.676
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	9.833.443.635	12.588.714.639
- Nguyên giá	222		32.752.114.304	32.752.114.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.918.670.669)	(20.163.399.665)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	60.437.905	22.037.037
- Nguyên giá	228		901.595.557	833.820.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(841.157.652)	(811.782.963)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	330.525.437.033	383.150.884.047
1. Đầu tư vào công ty con	251		473.305.672.855	473.305.672.855
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.263.592.152	54.263.592.152
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.883.043.675	28.883.043.675
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(225.926.871.649)	(173.301.424.635)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.508.054.129	21.066.840.345
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	20.508.054.129	21.066.840.345
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		932.500.922.424	1.022.177.423.992

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Mẫu B 01 – DN/TH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		249.541.545.329	353.160.709.684
I. Nợ ngắn hạn	310		247.354.912.969	350.596.557.378
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	118.289.120.976	227.985.112.857
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	14.637.225.150	35.812.530.603
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.086.735.906	2.648.642.489
4. Phải trả người lao động	314		7.295.032.788	7.593.588.738
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	14.231.177.794	25.920.300.217
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	43.175.259.808	35.250.060.962
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	38.770.318.565	3.426.510.019
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	-	3.724.689.511
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.870.041.982	8.235.121.982
II. Nợ dài hạn	330		2.186.632.360	2.564.152.306
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	73.000.000	55.000.000
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.113.632.360	2.509.152.306
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		682.959.377.095	669.016.714.308
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	682.959.377.095	669.016.714.308
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(63.956.561)	(1.812.761)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		133.023.333.656	119.018.527.069
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		116.286.527.069	119.018.527.069
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.736.806.587	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		932.500.922.424	1.022.177.423.992

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập



Trần Ngọc Tâm

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiến

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	182.916.686.658	377.696.243.769
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		182.916.686.658	377.696.243.769
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	156.744.217.427	359.653.450.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.172.469.231	18.042.793.741
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	69.551.150.470	72.205.972.443
7. Chi phí tài chính	22	5.23	53.340.270.492	57.868.527.129
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>598.083.886</i>	<i>653.131.853</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.24	32.528.892.856	35.202.157.373
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		9.854.456.353	(2.821.918.318)
11. Thu nhập khác	31		7.422.555.150	22.956.438.133
12. Chi phí khác	32		540.204.916	2.764.334.178
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	6.882.350.234	20.192.103.955
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		16.736.806.587	17.370.185.637
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		16.736.806.587	17.370.185.637

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Tâm



Hoàng Thế Hiền



Hoàng Chí Cường

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Mẫu B 03 - DN/TH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.736.806.587	17.370.185.637
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.784.645.693	2.834.352.659
- Các khoản dự phòng	03		47.977.864.381	54.719.826.606
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.046.255	(521.758)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(69.551.150.470)	(72.205.450.685)
- Chi phí lãi vay	06		598.083.886	649.346.387
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.401.703.668)	3.367.738.846
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.951.656.360)	(127.950.555.572)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.495.747.901)	52.299.023.955
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(135.649.981.587)	84.985.826.550
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		578.171.456	1.594.851.990
- Tiền lãi vay đã trả	14		(598.083.886)	(649.346.387)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.097.080.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(214.616.081.946)	13.647.539.382
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(67.775.557)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(19.814.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		113.798.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(11.782.982.098)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		69.551.150.470	72.205.450.685
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		183.281.374.913	40.608.468.587
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		146.175.054.371	9.569.832.473
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(110.831.245.825)	(24.465.320.589)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(27.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		35.343.808.546	(42.395.488.116)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.009.101.513	11.860.519.853
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		18.762.460.917	6.901.419.306
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		58.108.088	521.758
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	22.829.670.518	18.762.460.917

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập



Trần Ngọc Tâm

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiển

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

MẪU B 09 - DN/TH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Kể từ ngày 01/6/2011, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2011 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là 550.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng chẵn).

Tên nước ngoài: Vietnam Industrial Construction corporation;

Tên viết tắt: VINAINCON;

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Số lao động bình quân năm 2018: 222 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty

- Xây dựng nhà các loại; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng thạch cao; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất các cấu kiện ki loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Xây dựng công trình công ích; Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Sản xuất hóa chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Các ngành nghề kinh doanh khác đã quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp./.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2018, các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty gồm:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Văn phòng Tổng Công ty	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
2	Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vật tư kỹ thuật- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
3	Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 22 - Lý Tự Trọng - Phường Bến Nghé - Quận 1- Tp HCM
4	Chi nhánh Campuchia - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	10EF6, st.206+211, Sangkat vealvong, Khan 7makara, Phnomphenh, Cambodia
5	Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị - Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
6	Chi nhánh Myanmar - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Số 01, Tòa nhà số 33, Shwe Ohn Pin Housing 2, đường Yan Shin, thị xã Yan Kin, Yangon, Myanmar

Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty có các Công ty con như sau:

TT	Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 2	Số 81 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 4	Tổ 5, Thị Trấn Đông Anh, Hà Nội	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	Số 5 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Phường Thọ Xương - Bắc Giang	100,00%	100,00%
5	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	Km11, Quốc lộ 32, Từ Liêm, Hà Nội	52,15%	52,15%
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Km 5 Khu Lâm Sản, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	71,42%	71,42%
7	Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	356 A đường Hà Nội, phường Phước Long A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
8	Công ty CP XNK Thương mại Hợp tác Nhân lực Quốc tế VN	Số 156 Xã Đàn 2- Nam Đồng - Đống Đa - Hà Nội	51,00%	51,00%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	Lầu 06, số 22 Lý Tự Trọng, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
10	Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	51,00%	51,00%
11	Công ty CP Bê tông ly tâm An Giang	Quốc lộ 91, khóm An Thới, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	50,69%	50,69%
12	Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Thôn Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	100,00%	100,00%
13	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Số 22 Lý Tự Trọng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

TT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Hong Nam	Phường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	27,37%	27,37%
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	Số 158, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%
3	Công ty CP Khai thác đá vôi Quang Sơn	Quang Sơn - Đồng Hỷ - Thái Nguyên	25,00%	25,00%
4	Công ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	Vũ Phạm Hàm, Cầu Giấy, Hà Nội	41,18%	41,18%
5	Công ty CP Bê tông ly tâm Vianincon	Tháp Phan, Đồng Lạc, Hải Dương	20,00%	20,00%
6	Công ty CP Thi công Cơ giới Vinaincon	Số 5 Phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	27,99%	27,99%
7	Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Số 5 Phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	20,70%	20,70%
8	Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Tầng 15 tòa nhà TTC, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	23,11%	23,11%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính văn phòng của Tổng Công ty và các đơn vị phụ thuộc gồm: Trung tâm Xuất nhập khẩu và Dịch vụ vật tư kỹ thuật – Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam; Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam; Chi nhánh Campuchia - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam; Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng vật tư thiết bị - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam và Chi nhánh Myanmar - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam. Các giao dịch nội bộ, số dư công nợ nội bộ giữa Tổng Công ty với các đơn vị phụ thuộc và giữa các đơn vị phụ thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chi nhánh Campuchia sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh. Cho mục đích công bố báo cáo theo luật định tại Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng Đô la Mỹ (USD) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Chênh lệch tỷ giá được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế cuối kỳ;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân.

Chi nhánh Myanmar sử dụng KYAT Myanmar (MMK) làm đơn vị tiền tệ kế toán, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng KYAT Myanmar (MMK) là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Chi nhánh. Cho mục đích hợp nhất Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần xây dựng Công nghiệp Việt Nam, Chi nhánh Myanmar đã thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng KYAT Myanmar (MMK) sang Đồng Việt Nam (VND) tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng trung ương Myanmar (Ngân hàng BIDV không có tỷ giá quy đổi giữa đồng MMK và VND). Tỷ giá để chuyển đổi (MMK/VND) là: 15,000.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh sau khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”- Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Tổng Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009; Thông tư số 89/2013/TT- BTC ngày 28/6/2014 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT- BTC.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân tháng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2018, Tổng Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm: phần mềm kế toán, Phần mềm quản lý trang web, phần mềm mạng LAN, Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho, phần mềm văn phòng điện tử BKAV.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

	Năm 2018 (số năm)
Phần mềm kế toán	02
Phần mềm quản lý nhân sự và quản lý kho	02
Phần mềm quản lý trang Web	03
Phần mềm mạng LAN	03
Phần mềm văn phòng điện tử BKAV	03

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hoá Tổng Công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và chi phí hỗ trợ tiền thuê và di dời văn phòng cho Công Ty TNHH MTV Xây lắp hoá chất được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên, được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ 02 đến 03 năm tài chính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Tổng Công ty chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn cho các công trình/hạng mục đã hoàn thành và được xác định là đã bán trong kỳ.
- Chi phí trích trước vào giá vốn là các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của công trình/hạng mục được xác định đã bán.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm: Dự phòng bảo hành công trình xây lắp, được tính bằng 5% giá trị công trình còn hạn bảo hành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty từ hoạt động xây lắp và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu từ hoạt động xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (các bên tham gia góp vốn được nhận quyền lợi từ việc góp vốn), căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông/Quyết định chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – ‘Doanh thu và thu nhập khác’.

Thu nhập khác của Tổng Công ty là tiền thu từ bán thanh lý công cụ, dụng cụ và cho thuê ô tô, được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng bán thanh lý và các chứng từ kế toán có liên quan.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận và kết chuyển dựa trên tỷ lệ giao khoán của từng công trình đã quy định tại Hợp đồng giao khoán và phù hợp với chi phí thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan: Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng bộ phận kinh doanh kinh doanh xây lắp là chủ yếu nên không lập Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.743.425.345	2.076.417.123
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.086.245.173	16.686.043.794
Tổng	22.829.670.518	18.762.460.917

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Ngắn hạn	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Tây Hà Nội	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	58.798.000.000	58.798.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Quang Minh	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng	-	-	113.798.000.000	113.798.000.000

10
2
N
M
VI
A

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	149.025.098.602	217.377.923.575
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.855.887.960	16.286.027.374
Công ty Mitsui Engineering- Shipbuiding Co., Ltd	9.962.135.160	20.109.833.322
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên - TISCO	27.191.055.200	27.191.055.200
Harbin Power Engineering Co., ltd	12.361.835.678	-
Ban QLDA N/m Alumina Nhân Cơ	10.683.609.124	5.384.208.299
Tập đoàn Dầu khí Việt nam	44.234.370.058	-
- Ban QLDA Điện Lực Dầu khí Sông Hậu 1		
Công ty TNHH Công nghiệp Hoàng Sơn	8.899.267.173	8.899.267.173
Công ty TNHH HT Truyền tải và PP Toshiba VN	-	76.694.412.954
Công ty Truyền tải điện 3	1.697.581	25.813.683.581
Các đối tượng khác	29.835.240.668	36.999.435.672
Tổng	149.025.098.602	217.377.923.575
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 6.2)</i>	<i>362.971.270</i>	<i>362.971.270</i>

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	45.040.828.737	42.031.868.978
Công ty Cổ phần Xây dựng 203	4.102.173.574	4.102.173.574
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	2.106.756.300
Công ty CP XD và Thương mại LEPRO VN	2.250.182.909	2.250.182.909
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đông Anh	3.022.433.220	3.022.433.220
Công ty Cổ phần Lũng Lô 51	-	2.948.525.518
Công ty TNHH Siemens	7.177.403.400	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	28.488.635.634	27.601.797.457
Tổng	45.040.828.737	42.031.868.978
<i>Trong đó trả trước là các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số 6.2)</i>	<i>14.213.016.808</i>	<i>14.213.016.808</i>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	328.644.146.687		212.326.218.798	
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	5.523.400.468	-	4.940.964.076	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	13.844.892.847	-	13.844.892.847	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	3.114.860.245	-	3.072.290.729	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	-	-	20.648.242.173	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn (*)	294.292.594.985	-	160.359.908.498	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	688.500.000	-	2.065.500.000	-
Phải thu khác	7.347.393.184	-	6.210.754.172	-
Tạm ứng	3.720.004.958	-	1.071.166.303	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	112.500.000	-	112.500.000	-
Tổng	328.644.146.687	-	212.326.218.798	-

(*): Số phải thu của Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn, do Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh và thực hiện chi trả lãi + gốc cho các khoản vay tại Ngân hàng BNP-Paribas

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	45.777.087.236	-	46.381.020.412	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1 - 2 năm	Quá hạn 2 - 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam				695.608.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon				362.971.270
Công ty TNHH LAVIMONT Việt Nam				2.778.462.664
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - TISCO				27.191.055.200
Công ty Cổ phần Quảng Bích				580.119.862
Công ty CP công nghệ AMEC				1.983.613.753
Công ty CP Thiết bị Bưu điện				90.458.929
Công ty Hoàng Sơn				8.899.267.173
Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Sơn				342.250.000
Công ty Cổ phần Thép Thái Bình				2.564.880.468
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar				25.448.021
Công ty CP TM Quốc tế Thành Như				262.951.896
Tổng				45.777.087.236

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.408.800.461	(76.560.000)	1.429.890.603	-
Công cụ, dụng cụ	52.955.003	-	43.038.639	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	65.863.920.568	-	43.356.998.889	-
Tổng	68.325.676.032	(76.560.000)	44.829.928.131	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	21.236.995	40.622.235
Chi phí khác và công cụ dụng cụ chờ phân bổ	21.236.995	40.622.235
b) Dài hạn	20.508.054.129	21.066.840.345
Giá trị quyền sử dụng đất phải nộp theo phương án cổ phần hóa	13.401.219.999	13.401.219.999
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	498.904.630	1.057.690.846
Chi phí khác chờ phân bổ	6.607.929.500	6.607.929.500
Tổng	20.529.291.124	21.107.462.580

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	20.522.634.161	1.251.001.000	10.545.609.262	432.869.881	32.752.114.304
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2018	<u>20.522.634.161</u>	<u>1.251.001.000</u>	<u>10.545.609.262</u>	<u>432.869.881</u>	<u>32.752.114.304</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	10.912.656.506	732.345.556	8.103.027.715	415.369.888	20.163.399.665
Tăng trong năm	1.843.737.924	151.732.392	745.800.684	14.000.004	2.755.271.004
Khấu hao trong năm	1.843.737.924	151.732.392	745.800.684	14.000.004	2.755.271.004
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>12.756.394.430</u>	<u>884.077.948</u>	<u>8.848.828.399</u>	<u>429.369.892</u>	<u>22.918.670.669</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	<u>9.609.977.655</u>	<u>518.655.444</u>	<u>2.442.581.547</u>	<u>17.499.993</u>	<u>12.588.714.639</u>
Tại 31/12/2018	<u>7.766.239.731</u>	<u>366.923.052</u>	<u>1.696.780.863</u>	<u>3.499.989</u>	<u>9.833.443.635</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là: 8.928.855.595 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.10 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Giá trị phân mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2018	833.820.000	833.820.000
Tăng trong năm	67.775.557	67.775.557
Mua trong năm	67.775.557	67.775.557
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>901.595.557</u>	<u>901.595.557</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2018	811.782.963	811.782.963
Tăng trong năm	29.374.689	29.374.689
Khấu hao trong năm	29.374.689	29.374.689
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 01/01/2018	<u>841.157.652</u>	<u>841.157.652</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2018	<u>22.037.037</u>	<u>22.037.037</u>
Tại 31/12/2018	<u>60.437.905</u>	<u>60.437.905</u>

G CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 Báo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Đầu tư tài chính

MẪU B 09 - DN/TH

Đơn vị tính: VND

Mô tả	Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2018		Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng (**)	Giá gốc	Dự phòng			
Đầu tư vào Công ty con			473.305.672.855	(217.254.094.705)	473.305.672.855	(167.205.899.296)			
ty TNHH MTV Xây lắp điện 2	100%	100%	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-	-	-	
ty TNHH MTV Xây lắp điện 4	100%	100%	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	-	-	
ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất	100%	100%	-	-	-	-	-	-	
ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	100%	100%	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-	-	
ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	100%	100%	200.000.000.000	(200.000.000.000)	200.000.000.000	(150.000.000.000)	-	-	
ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	52,15%	52,15%	24.386.208.045	-	24.386.208.045	-	-	-	
ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	71,42%	71,42%	4.024.058.696	(4.024.058.696)	4.024.058.696	(4.024.058.696)	-	-	
ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	51,00%	51,00%	38.035.530.934	-	38.035.530.934	-	-	-	
ty CP XNK Thương mại Hợp tác lực Quốc tế Việt Nam	51,00%	51,00%	2.792.888.482	-	2.792.888.482	-	-	-	
ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 5	51,63%	51,63%	12.201.283.784	-	12.201.283.784	-	-	-	
ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon	51,00%	51,00%	4.547.145.641	(1.205.722.853)	4.547.145.641	(1.157.527.444)	-	-	
ty CP Bê tông ly tâm An Giang	50,69%	50,69%	15.278.557.273	-	15.278.557.273	-	-	-	
ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	51,00%	51,00%	2.040.000.000	(2.024.313.156)	2.040.000.000	(2.024.313.156)	-	-	
Đầu tư vào Công ty liên kết			54.263.592.152	(3.791.317.719)	54.263.592.152	(3.164.164.763)			
ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	27,37%	27,37%	6.634.922.757	-	6.634.922.757	-	-	-	
ty CP Đầu tư và Xây dựng công nghiệp	36,00%	36,00%	14.300.768.318	-	14.300.768.318	-	-	-	
ty CP Khai thác đá với Quang Sơn	25,00%	25,00%	2.730.001.416	-	2.730.001.416	-	-	-	
ty CP Đầu tư năng lượng Vinaincon	28,00%	28,00%	742.806.389	(481.349.227)	742.806.389	(481.349.227)	-	-	
ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	20,00%	20,00%	8.010.131.008	(3.309.968.492)	8.010.131.008	(2.682.815.536)	-	-	
ty CP Thi công cơ giới Vinaincon	28,00%	28,00%	2.428.000.000	-	2.428.000.000	-	-	-	
ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	20,70%	20,70%	6.208.620.000	-	6.208.620.000	-	-	-	
ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	23,10%	23,10%	13.208.342.264	-	13.208.342.264	-	-	-	
			527.569.265.007	(221.045.412.424)	527.569.265.007	(170.370.064.059)			

G CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

YẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/TH

Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng (**)	Giá trị hợp lý (*)	Giá trị hợp lý (*)
Ước hạn khác				
ty Cổ phần Lắp máy và Xây dựng điện Miền Nam	779.612.900	-	779.612.900	-
ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất công nghiệp	4.123.185.470	-	4.123.185.470	-
ty Cổ phần Đầu tư xây dựng công nghiệp	10.032.000.000	-	10.032.000.000	-
ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp Dân dụng	899.972.230	-	899.972.230	-
ty Cổ phần Bao bì Sóng Công	2.100.925.000	(43.861.825)	2.100.925.000	-
ty CP TMXây lắp Công nghiệp Thăng Long	2.086.292.176	-	2.086.292.176	-
ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Pha	8.861.055.899	(4.837.597.400)	8.861.055.899	(2.931.360.576)
	28.883.043.675	(4.881.459.225)	-	(2.931.360.576)

ai ngày Báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị của các khoản đầu tư dài hạn

Số trích lập, hoàn nhập dự phòng hàng năm được căn cứ vào báo cáo kiểm toán hàng năm của các đơn vị

KẾ TOÁN TỔNG HỢP / 01/12/18

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	118.289.120.976	118.289.120.976	227.985.112.857	227.985.112.857
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000	7.047.655.000
Công ty TNHH HT Truyền tải và PP Toshiba VN	-	-	26.459.089.960	26.459.089.960
Changzhou Toshiba Transformer Co., Ltd	-	-	69.312.780.000	69.312.780.000
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Chuyển giao Công nghệ	3.731.645.994	3.731.645.994	7.784.476.520	7.784.476.520
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	-	6.751.250.000	6.751.250.000
Công ty CP Tư vấn Thiết kế E&C - Mua sắm thiết bị chính, HĐKT 2017-025/SH1	43.934.321.120	43.934.321.120	-	-
Phải trả các đối tượng khác	63.575.498.862	63.575.498.862	110.629.861.377	110.629.861.377
Tổng	118.289.120.976	118.289.120.976	227.985.112.857	227.985.112.857
<i>Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết xem tại thuyết minh 6.2)</i>	<i>14.283.398.012</i>	<i>14.283.398.012</i>	<i>61.473.288.631</i>	<i>61.473.288.631</i>

5.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.637.225.150	35.812.530.603
Trường Cao đẳng Kinh tế KT Vinatex - TP. HCM	-	2.496.319.962
CN TĐ Dầu khí VN- Ban QLDA ĐL DK Sông Hậu I	-	29.120.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và VT Thiên Phúc	13.794.765.600	-
Người mua trả tiền trước khác	842.459.550	4.195.710.641
Tổng	14.637.225.150	35.812.530.603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	681.958.062	1.570.702.822	631.423.155	1.808.422.024	681.958.063	664.116.199
Thuế xuất nhập khẩu		-	8.868.352	8.868.352		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.232.809.165	-	-	-	1.232.809.165	-
Thuế thu nhập cá nhân	642.076.503	8.435.879	244.285.628	119.889.138	512.205.223	7.882.279
Các loại thuế khác	-	1.069.503.788	176.268.300	176.268.300	-	1.414.737.428
Tổng	2.556.843.730	2.648.642.489	1.060.845.435	2.113.447.814	2.426.972.451	2.086.735.906

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	14.231.177.794	25.920.300.217
Trích trước chi phí công trình thủy điện Đồng Nai 5	-	4.205.738.353
Trích trước chi phí công trình TBA 35/110 Truong Bành - Quý Hợp	802.027.280	802.027.280
DZ110KV TBA 35/110 Truong Bành - Quý Hợp gói thầu	359.288.215	1.337.880.791
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn - phần Lắp	4.557.733.268	-
Trích trước chi phí lãi vay phải trả nhà đầu tư mua cổ phần lần đầu	1.370.075.452	1.424.499.088
Trích trước chi phí Dự án Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng	36.207.349	7.845.759.625
Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị TP HCM tuyến Bến Thành Suối Tiên (Metro Depot)	-	125.689.260
Dự án Nhiệt điện Thái Bình (JURONG)	74.747.604	2.292.600.000
Chi phí phải trả dài hạn khác	7.031.098.626	7.886.105.820
Tổng	14.231.177.794	25.920.300.217



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.16 Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	43.175.259.808	35.250.060.962
Kinh phí công đoàn;	544.993.856	554.237.227
Bảo hiểm xã hội;	210.269.066	81.394.050
Bảo hiểm y tế;	42.810.702	9.380.070
Bảo hiểm thất nghiệp;	18.991.102	4.168.920
Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.358.195.082	34.600.880.695
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất</i>	<i>9.638.164.545</i>	<i>9.638.164.545</i>
<i>Công ty Cổ phần Chế tạo máy Vinaincon</i>	<i>1.502.346.146</i>	<i>1.406.346.146</i>
<i>Cục thuế Hà Nội</i>	<i>14.201.251.452</i>	<i>14.201.251.452</i>
<i>Khoản vay phải trả cho CBCNV</i>	<i>9.924.786.606</i>	<i>5.395.566.106</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>7.091.646.333</i>	<i>3.959.552.446</i>
b) Dài hạn (chi tiết từng khoản mục)	73.000.000	55.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	73.000.000	55.000.000
Tổng	43.248.259.808	35.305.060.962

G CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

áo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

VIẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 – DN/TH

Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)		Khả năng trả nợ
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
ngắn hạn	38.770.318.565	38.770.318.565	146.175.054.371	110.831.245.825	3.426.510.019
hàng TMCP ĐT&PT	27.988.886.010	27.988.886.010	32.334.254.697	7.679.009.855	3.333.641.168
↳ Chi nhánh Sở Giao dịch 1					
hàng TMCP ĐT&PT	10.237.488.552	10.237.488.552	107.929.724.522	97.692.235.970	-
↳ Chi nhánh Hà Nội					
hàng TMCP ĐT&PT	450.000.000	450.000.000	5.910.000.000	5.460.000.000	-
↳ Chi nhánh YANGON					
↳ Kim Tae Byung	93.944.003	93.944.003	1.075.152	-	92.868.851
	38.770.318.565	38.770.318.565	146.175.054.371	110.831.245.825	3.426.510.019

lồng tín dụng hạn mức số 01/2018/534/HĐTDHM ngày 08/11/18: Hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 365.000.000.000 VND gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi; đó dư nợ vay, bảo lãnh thanh toán và mở L/C tối đa mọi thời điểm là 110.000.000.000 VND. Hạn mức này đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, L/C của Tổng Công ty Vinalcon và Chi nhánh Xây lắp và Cung ứng thiết bị (MPC). Mục đích: cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng. Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

in đảm bảo để thực hiện hợp đồng vay:

bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Tổng Công ty tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; các khoản phải thu của các dự án, phương án vay áo lãnh được ngân hàng cho vay/cấp bảo lãnh theo các HĐKT được ký kết mà Tổng Công ty là người thụ hưởng; hàng tồn kho, tài sản cố định, quyền sử dụng đất, ôp tại các đơn vị khác, quyền tài sản khác khi có yêu cầu của Ngân hàng.

WVA B: 2/11

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.18 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình thủy điện Đồng Nai 5	-	3.274.471.086
Dự phòng bảo hành công trình Nhiệt điện Nghi Sơn 1	-	450.218.425
Tổng	-	3.724.689.511

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	550.000.000.000	(1.812.761)	132.833.341.432	682.831.528.671
Tăng trong năm	-	-	17.370.185.637	17.370.185.637
Lợi nhuận sau thuế	-	-	17.370.185.637	17.370.185.637
Giảm trong năm	-	-	31.185.000.000	31.185.000.000
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	3.685.000.000	3.685.000.000
Chi cổ tức	-	-	27.500.000.000	27.500.000.000
Số dư tại 31/12/2017	550.000.000.000	(1.812.761)	119.018.527.069	669.016.714.308
Số dư tại 01/01/2018	550.000.000.000	(1.812.761)	119.018.527.069	669.016.714.308
Tăng trong năm	-	-	16.736.806.587	16.736.806.587
Lợi nhuận sau thuế	-	-	16.736.806.587	16.736.806.587
Giảm trong năm	-	62.143.800	2.732.000.000	2.794.143.800
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	2.732.000.000	2.732.000.000
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi	-	62.143.800	-	62.143.800
Số dư tại 31/12/2018	550.000.000.000	(63.956.561)	133.023.333.656	682.959.377.095

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	455.125.000.000	455.125.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	94.875.000.000	94.875.000.000
Tổng	550.000.000.000	550.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	550.000.000.000	550.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	550.000.000.000	550.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.000.000	55.000.000
Cổ phiếu phổ thông	55.000.000	55.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP		

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp, tư vấn, thiết kế và giám sát	182.916.686.658	377.696.243.769
Tổng	182.916.686.658	377.696.243.769

5.21 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp, tư vấn, thiết kế và giám sát	156.744.217.427	359.653.450.028
Tổng	156.744.217.427	359.653.450.028

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	22.479.299.299	12.554.911.995
Cổ tức và lợi nhuận được chia	47.069.324.029	59.650.538.690
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh đánh giá lại cuối năm	2.527.142	521.758
Tổng	69.551.150.470	72.205.972.443

5.23 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	598.083.886	653.131.853
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	52.625.447.014	57.246.434.343
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(31.039.067)
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	116.717.197	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.395	-
Tổng	53.340.270.492	57.868.527.129

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	21.246.483.476	21.179.249.770
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	426.718.952	485.366.982
Chi phí khấu hao	2.617.864.011	2.668.620.263
Thuế, phí, lệ phí	326.343.807	400.345.664
Hoàn/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(603.933.176)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.868.327.647	5.593.028.243
Chi phí khác bằng tiền	4.647.088.139	4.875.546.451
Tổng	32.528.892.856	35.202.157.373

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Hoàn nhập bảo hành công trình	5.394.846.017	-
Thu nhập từ thanh lý, tài sản công cụ dụng cụ	220.017.500	547.664.400
Phải thu theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Chi nhánh tư vấn thiết kế	-	20.241.863.025
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	1.740.873.726	1.190.727.277
Thu nhập khác	66.817.907	976.183.431
Tổng	7.422.555.150	22.956.438.133
Chi phí khác		
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	359.132.976	22.163.333
Giá trị vật tư, cốp pha bán thanh lý	-	1.339.664.324
Phạt chậm tiến độ công trình Bauxit Tân Rai	-	522.496.421
Ghi nhận chi phí CT khu công nghiệp Cầu Diễn	-	108.219.000
Chi phí lãi vay của các công trình và chi phí khác	-	512.926.524
Chi phí khác	181.071.940	258.864.576
Tổng	540.204.916	2.764.334.178
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	6.882.350.234	20.192.103.955

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	16.736.806.587	17.370.185.637
Điều chỉnh tăng	571.839.643	246.019.655
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	47.069.324.029	59.650.538.690
Thu nhập chịu thuế công ty	(29.760.677.799)	(42.034.333.398)
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng	-	-

Do Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng tại Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bị ảnh hưởng như sau:

Năm	Cổ tức và lợi nhuận thu từ các Công ty (1)	Số đã trích lập dự phòng tại Công ty XM Quang Sơn (2)	Lợi nhuận sau khi trích lập dự phòng (3)	Thu nhập chịu thuế (nếu hoàn nhập dự phòng Công ty XMQS) (4) =(3+2-1)	Thuế suất TNDN	Thuế TNDN phải nộp (nếu hoàn nhập dự phòng Công ty XMQS)
2015	48.253.936.691	65.000.000.000	30.643.281.247	47.389.344.556	22%	10.425.655.802
2016	44.024.594.740	30.000.000.000	24.511.891.176	10.487.296.436	22%	2.307.205.216
2017	59.650.558.690	55.000.000.000	17.370.185.637	12.719.626.947	20%	2.543.925.389
2018	47.069.324.029	50.000.000.000	16.736.806.587	19.667.482.558	20%	3.933.496.512
Cộng	198.998.414.150	200.000.000.000	89.262.164.647	90.263.750.497		19.210.282.919

5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Trình bày lại số liệu so sánh đầu kỳ**

Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được tại ngày 01/01/2018, Tổng Công ty đã trình bày lại các chỉ tiêu: Phải thu ngắn hạn, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải trả người bán ngắn hạn và Các khoản phải trả ngắn hạn theo đối tượng công trình (thay vì theo đối tượng công nợ), số liệu cụ thể như sau:

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2017 Trình bày lại VND	Tại ngày 31/12/2017 Đã trình bày VND	Chênh lệch VND
Trả trước cho người bán	42.031.868.978	36.938.696.856	5.093.172.122
Phải thu ngắn hạn khác	212.326.218.798	212.000.142.617	326.076.181
Cộng thay đổi Tài sản			5.419.248.303
Phải trả người bán ngắn hạn	227.985.112.857	222.891.940.735	5.093.172.122
Phải trả ngắn hạn khác	35.250.060.962	34.923.984.781	326.076.181
Cộng thay đổi Nguồn vốn			5.419.248.303

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	2.564.713.000	2.367.276.000
Tổng	2.564.713.000	2.367.276.000

Giao dịch với bên liên quan

<u>Mua hàng</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2017</u> <u>VND</u>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Công ty con	370.758.182	-
Công ty CP TV Thiết kế và XD VINAINCON	Công ty liên kết	2.143.111.641	-
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Giao dịch khác (cổ tức nhận được)	Mối quan hệ		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	Công ty con	14.919.702.180	27.922.307.002
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2	Công ty con	15.766.292.549	17.410.363.388
Công ty CP XNK TM Hợp tác NL Quốc tế VN	Công ty con	76.500.000	204.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	3.271.191.000	1.635.595.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 5	Công ty con	688.500.000	2.065.500.000
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang	Công ty con	5.412.865.500	4.639.599.000
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất công nghiệp	Công ty con	1.422.055.800	-
Công ty Cổ phần Khai thác đá vôi Quang Sơn	Công ty liên kết	150.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng	Công ty liên kết	1.768.000.000	1.872.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết	517.293.000	574.750.000
Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công	Công ty đầu tư	126.000.000	126.000.000
Công ty CP TV Thiết kế và XD VINAINCON	Công ty liên kết	1.241.724.000	931.293.000
Công ty CP Xây lắp & Sản xuất Công nghiệp	Công ty liên kết	-	1.422.055.800
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới VINAINCON	Công ty liên kết	971.200.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công nghiệp	Công ty liên kết	432.000.000	-
Công ty CP TM Xây lắp CN Thăng Long	Công ty đầu tư	306.000.000	270.000.000
Công ty CP Tư vấn thiết kế CN và Dân dụng	Công ty đầu tư	-	127.075.000
Tổng		47.069.324.029	59.650.538.690

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với bên liên quan**

Nội dung	Mối quan hệ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng		362.971.270	362.971.270
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	362.971.270	362.971.270
Phải thu khác		323.153.427.683	209.188.858.621
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 5	Công ty con	-	2.065.500.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hoá chất Hà Bắc	Công ty con	3.114.860.245	3.072.290.729
Công ty CP Xây lắp & SX Công nghiệp	Công ty con	4.404.265.913	2.904.031.113
Công ty TNHH NN MTV Xây lắp Hoá chất	Công ty con	5.523.400.468	4.940.964.076
Công ty CP Cơ khí Xây lắp Hoá chất	Công ty con	13.844.892.847	13.844.892.847
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Công ty con	294.292.594.985	160.359.908.498
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON	Công ty liên kết		20.648.242.173
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	487.669.866	271.730.076
Công ty CP Đầu tư và SX Công nghiệp - VLiệu	Công ty liên kết	280.395.836	280.395.836
Công ty CP Thi công cơ giới VINAINCON	Công ty liên kết	917.781.318	656.479.818
Công ty Cổ phần Bao bì Sông Công	Công ty đầu tư	126.000.000	-
Công ty CP ĐT và Khoáng sản VINAINCON	Công ty đầu tư	161.566.205	144.423.455
Trả trước cho người bán		14.213.016.808	14.213.016.808
Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Xây lắp Hoá Chất - H36	Chi nhánh của Công ty con	422.124.666	422.124.666
Chi nhánh Công ty TNHH NN MTV Xây lắp Hoá Chất - H76	Chi nhánh của Công ty con	592.695.000	592.695.000
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	4.712.579.331	4.712.579.331
Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng	Công ty liên kết	8.485.617.811	8.485.617.811
		31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả người bán		14.283.398.012	61.473.288.631
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	-	3.145.319.803
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	Công ty con	3.297.296.787	3.297.296.787
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc	Công ty con	1.883.640.216	2.005.277.167
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức	Công ty con	183.283.210	3.454.474.210
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinaincon 6	Công ty con	-	489.673.522
Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp	Công ty con	5.381.185.148	5.381.185.148
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	Công ty liên kết	789.194.170	1.306.487.170
Công ty CP TV Thiết kế và Xây dựng Vinaincon	Công ty liên kết	2.701.540.222	42.346.316.565
Công ty CP Thi công cơ giới VINAINCON	Công ty liên kết	41.452.480	41.452.480
Công ty CP Đầu tư & XD Công nghiệp	Công ty đầu tư	5.805.779	5.805.779
Phải trả khác		9.638.164.545	9.638.164.545
Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa Chất	Công ty con	9.638.164.545	9.638.164.545

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Người lập



Trần Ngọc Tâm

Kế toán trưởng



Hoàng Thế Hiện

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường

